

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/5/2019.
Về việc: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Võ Thanh Bình.

2/. Ông Cao Phước Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: không.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2019/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Ngọc L**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Cản Đất, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Cản Đất, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Ngọc L trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị L và anh T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2006, anh chị chung sống với nhau từ đó nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau. Chung sống với nhau đến đầu năm 2011 thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con, không lo lắng làm ăn,

thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị L đã cố gắng khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài từ đó đến nay nhưng đến tháng 7 năm 2018 giữa chị và anh T mâu thuẫn trở nên trầm trọng và hai anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích nên chị L yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Thị Tịnh Vân, sinh ngày 14/9/2008 và Nguyễn Thị Tịnh Duyên, sinh ngày 15/3/2014. Các con chung hiện nay đều đang sống với chị L. Ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Thanh T nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp*: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Trần Ngọc L và anh Nguyễn Thanh T. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[3] *Về nội dung vụ án*: Chị Trần Ngọc L và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, tuy gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Việc này đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: ...1. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng...”.

Đồng thời tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ...1. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Như vậy việc chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà chị Trần Ngọc L và anh Nguyễn Thanh T không có giá trị pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Mặt khác, qua quá trình làm việc tại Tòa án chị L trình bày sau khi chung sống với nhau một thời gian thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị và anh T đã sống ly thân với nhau và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Do đó việc chị L yêu cầu HĐXX không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị và T là vợ chồng là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

Về con chung: Tại phiên tòa chị L trình bày chị và T có hai người con chung là cháu Tịnh Vân và Tịnh Duyên, hiện tại chị L là người trực tiếp chăm sóc các con chung, anh T bỏ đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 7/2018 cho đến nay không về thăm con và phụ giúp chị trong việc nuôi dưỡng các con. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, các cháu Tịnh Vân và Tịnh Duyên đều là giới tính nữ, từ nhỏ đến nay đều do một tay chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần thiết giao các con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc là phù hợp với sự phát triển về mặt tâm sinh lý đối với các cháu sau này, đồng thời việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tịnh Vân muốn được ở với mẹ (tức chị L).

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Chị Trần Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 90, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Ngọc L và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Tịnh Vân, sinh ngày 14/9/2008 và Nguyễn Thị Tịnh Duyên, sinh ngày 15/3/2014 cho chị Trần Ngọc L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0002172 ngày 06/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Trần Ngọc L không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An